TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày: 28-6-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lai

2. Ông Võ Ngọc Bột

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2022/TLST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ: thị trấn B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.
Bị đơn: Ông Phan Văn R, sinh năm 1981 (có mặt)
Bà Ngô Thị T, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: thị trấn B, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/02/2017 ông R và bà T có mượn của bà Th số tiền 40.000.000đ, khi vay có làm biên nhận nợ nhưng đến nay chưa trả.

Bà Th yêu cầu ông R, bà T, phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 40.000.000đ và tiền lãi theo qui định của pháp luật, thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 13/10/2022 đến ngày xét xử là ngày 28/6/2023 theo mức lãi là 0,6% tháng .

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn trình bày: Ông R và bà T thừa nhận có vay của bà Th với tổng số tiền 40.000.000đ hai bên có làm biên nhận nợ. Do làm

ăn thua lổ nên không có khả năng trả lại cho bà Th được. Nay ông R và bà T xin trả dần mỗi năm 1.500.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Bà Th không đồng ý cho ông R và bà T xin trả dần mỗi năm 1.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T liên đới trả số tiền nợ 40.000.000 đồng. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T liên đới trả số tiền vay 40.000.000 đồng. Bà Th đã cung cấp được biên nhận nợ có chữ ký của ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T để làm căn cứ chứng minh. Ngoài ra ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T cũng đã thừa nhận có nợ tiền và đồng ý trả tiền nợ cho bà Th. Hội đồng xét xử xét thấy, khi tham gia giao dịch các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành lực hành vi dân sự, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có cơ sở xác định ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T có vay bà Th số tiền 40.000.000đồng và có nghĩa vụ phải trả số tiền trên cho bà Th.

2.2Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn là bà Ngô Thị T đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2.3 Xét yêu cầu nghĩa vụ liên đới: Do ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T khi vay tiền của bà Th là trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng hợp pháp chưa ly hôn. Sau khi ly hôn về tài sản chung và nợ chung chưa được giải quyết. Do đó nguyên đơn yêu cầu ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T liên đới trả nợ là phù hợp với các quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Về yêu cầu trả lãi: Bà Th yêu cầu tính lãi từ ngày 13/10/2022 đến ngày xét xử là ngày 28/6/2023 theo mức lãi 0,6% tháng . Xét thấy yêu cầu tính lãi của bà Th là tự nguyện không trái với qui định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của bà Th là phù hợp. Số tiền lãi được tính như sau: từ ngày 13/10/2022 đến ngày 28/6/2023 là 8 tháng 15 ngày :

40.000.000đ x 0,6% x 8 tháng 15 ngày = 2.040.000đ

Tổng cộng gốc và lãi là 42.040.000đ (Trong đó gốc 40.000.000đ và lãi là 2.040.000đ)

[2.3] Đối với ý kiến về việc trả nợ của bị đơn:

Bà Th yêu cầu ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T trả số tiền gốc và lãi 42.040.000đ . Ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T đồng ý trả tiền trên. Nhưng xin trả dần mỗi năm 1.500.000đ. Các bên không thống nhất được thời gian trả nợ, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ xác định ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc và lãi còn nợ là 42.040.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Về án phí:

Ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Th được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu tiền án phí

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đối với ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T.

Buộc ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền nợ gốc và lãi còn lại là: 42.040.000đ (bốn mươi hai triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Văn R và bà Ngô Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.102.000 đ (hai triệu một trăm lẽ hai ngàn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (một triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010531 ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: đối với bà Th, ông R có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết theo qui định của pháp luật.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khởi